

TỈNH THANH HÓA  
XÃ THẠCH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu biểu số 81

DANH SÁCH CÔNG KHAI HỖ TRỢ KHẮC PHỤC DỊCH TẢ LỢN CHÂU PHI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA  
BÀN XÃ THẠCH BÌNH

*Đơn vị: Đồng*

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Căn cứ tính hỗ trợ	Mức hỗ trợ/ kg	Thành tiền	Ghi chú
1	Nguyễn Thị Hương	Khu 1		40,000	208,240,000	
2	Lê Xuân Hà	Khu 1		40,000	55,840,000	
3	Hoàng Văn Dạn	Khu 1		40,000	9,840,000	
4	Trần Thị Minh	Khu 1		40,000	3,840,000	
5	Mai Thị Dung	Khu 2		40,000	60,880,000	
6	Đào Thị Chuyên	Khu 2		40,000	28,400,000	
7	Hoàng Thị Sinh	Khu 2		40,000	97,400,000	
8	Đào Thị Nga	Khu 2		40,000	16,400,000	
9	Lưu Văn Quyết	Khu 2		40,000	20,080,000	
10	Đào Thị Chuyên	Khu 2		40,000	9,240,000	
11	Đỗ Trường Xuân	Khu 2		40,000	26,240,000	
12	Lưu Văn Cường	Kim Sơn		40,000	20,000,000	
13	Phạm Văn Quyết	Kim Sơn		40,000	18,760,000	
14	Lưu Văn Vân	Kim Sơn		40,000	10,040,000	
15	Đình Quang Hải	Kim Sơn		40,000	43,040,000	
16	Lưu Quang Thìn	Kim Sơn		40,000	42,720,000	
17	Mai Thị Thủy	Kim Sơn		40,000	12,600,000	
18	Lưu Thị Lan	Kim Sơn		40,000	31,040,000	

19	Lưu Quang Phúc	Kim Sơn
20	Lê Văn Thành	Kim Sơn
21	Lưu Văn Giang	Kim Sơn
22	Phạm Hồng Thái	Kim Sơn
23	Lưu Đình Duyên	Kim Sơn
24	Nguyễn Văn Sáu	Kim Sơn
25	Nguyễn Đình Dậu	Gò La
26	Phạm Văn Hòa	Gò La
27	Nguyễn Văn Thụ	Gò La
28	Nguyễn Đình Thanh	Gò La
29	Nguyễn Đình Ban	Gò La
30	Nguyễn Đình Sáu	Gò La
31	Trịnh Thị Xuyên	Gò La
32	Phạm Văn Duyên	Gò La
33	Lưu Thị Thúy	Gò La
34	Cao Xuân Thắng	Gò La
35	Hoàng Thị Hòa	Gò La
36	Nguyễn Đình Trường	Gò La
37	Lưu Thị Oanh	Gò La
38	Lưu Văn Nhưông	Án Đình
39	Lưu Văn Chín	Án Đình
40	Lưu Văn Thành	Án Đình
41	Lưu Trọng Đại	Án Đình
42	Lưu Khắc Lý	Án Đình
43	Phạm Văn Tuấn	Án Đình
44	Lưu Trọng Đại	Án Đình
45	Đỗ Hữu Khương	Án Đình

40,000	20,320,000	
40,000	4,840,000	
40,000	4,960,000	
40,000	11,480,000	
40,000	8,720,000	
40,000	14,692,000	
40,000	41,400,000	
40,000	8,360,000	
40,000	17,680,000	
40,000	31,800,000	
40,000	15,200,000	
40,000	5,120,000	
40,000	3,720,000	
40,000	15,600,000	
40,000	9,480,000	
40,000	9,080,000	
40,000	10,760,000	
40,000	5,600,000	
40,000	8,160,000	
40,000	11,280,000	
40,000	10,360,000	
40,000	11,120,000	
40,000	12,200,000	
40,000	6,280,000	
40,000	29,680,000	
40,000	76,120,000	
40,000	3,680,000	

46	Đỗ Văn Duy	Án Đình
47	Lưu Văn Sáng	Án Đình
48	Lưu Viết Hòe	Án Đình
49	Phạm Văn Thi	Án Đình
50	Lê Văn Chung	Án Đình
51	Lê Văn Tính	Án Đình
52	Nguyễn Văn Chung	Yên Khánh
53	Nguyễn Thị Bút	Yên Khánh
54	Lê Tùng Lâm	Yên Khánh
55	Nguyễn Văn Duy	Yên Khánh
56	Nguyễn Văn Thù	Yên Khánh
57	Trương Thị Phụng	Yên Khánh
58	Nguyễn Văn Sơn	Yên Khánh
59	Phạm Thị Thảo	Yên Khánh
60	Nguyễn Minh Hiếu	Yên Khánh
61	Trịnh Văn Lâm	Yên Khánh
62	Vũ Văn Ngai	Yên Khánh
63	Vũ Văn Luyện	Yên Khánh
64	Vũ Văn Quân	Yên Khánh
65	Phạm Ngọc Long	Thanh Giang
66	Hoàng Thị Oanh	Khu 3
67	Vũ Văn vui	Yên Thanh
68	Vũ Thị Tiệp	Yên Thanh
69	Phạm Văn Hùng	Yên Thanh
70	Vũ Văn Chung	Yên Thanh
71	Vũ Văn Chung	Yên Thanh
72	Trương Quốc Thành	Yên Thanh

40,000	16,080,000	
40,000	13,440,000	
40,000	68,680,000	
40,000	11,264,000	
40,000	10,640,000	
40,000	13,400,000	
40,000	67,160,000	
40,000	37,720,000	
40,000	41,560,000	
40,000	1,640,000	
40,000	8,200,000	
40,000	8,120,000	
40,000	25,320,000	
40,000	1,600,000	
40,000	17,800,000	
40,000	29,600,000	
40,000	6,680,000	
40,000	19,240,000	
40,000	4,996,000	
40,000	5,920,000	
40,000	51,560,000	
40,000	79,200,000	
40,000	20,760,000	
40,000	7,640,000	
40,000	6,400,000	
40,000	29,200,000	
40,000	12,400,000	

73	Phạm Văn Thạo	Yên Phú
74	Hoàng Thị Lỡ	Yên Phú
75	Nguyễn Thị Xuân	Yên Phú
76	Hoàng Văn Cảnh	Yên Phú
77	Phạm Văn Thọ	Yên Phú
78	Hoàng Văn Thanh	Yên Phú
79	Trương Thị Bình	Yên Phú
80	Nguyễn Văn Xiéc	Xuân Long
81	Nguyễn Thị Học	Xuân Long
82	Nguyễn Thị Yêu	Xuân Long
83	Nguyễn Văn Thơm	Xuân Tiến
84	Nguyễn Văn Niệm	Xuân Tiến
85	Nguyễn Văn Huê	Xuân Tiến
86	Nguyễn Văn Hưng	Xuân Tiến
87	Nguyễn Văn Trường	Xuân Tiến
88	Nguyễn Đức Toàn	Xuân Thắng
89	Nguyễn Văn Ghi	Xuân Thắng
90	Nguyễn Văn Đô	Xuân Thắng
91	Nguyễn Tuấn Âm	Xuân Thắng
92	Nguyễn Thị Rằm	Xuân Thắng
93	Quách Ngọc Hinh	Xuân Thắng
94	Nguyễn Văn Bái	Xuân Thắng
95	Nguyễn Văn Thi	Xuân Thắng
96	Nguyễn Văn Huấn	Thành Quang
97	Nguyễn Văn Huấn	Thành Quang
98	Nguyễn Tuấn Bảy	Thành Quang
99	Nguyễn Đình Huy	Thạch Môn

40,000	12,120,000	
40,000	19,840,000	
40,000	19,760,000	
40,000	13,520,000	
40,000	25,920,000	
40,000	6,640,000	
40,000	5,800,000	
40,000	15,720,000	
40,000	15,360,000	
40,000	60,920,000	
40,000	11,760,000	
40,000	6,880,000	
40,000	14,120,000	
40,000	14,080,000	
40,000	11,440,000	
40,000	10,200,000	
40,000	117,720,000	
40,000	7,720,000	
40,000	24,056,000	
40,000	30,840,000	
40,000	4,276,000	
40,000	23,272,000	
40,000	25,080,000	
40,000	87,200,000	
40,000	18,800,000	
40,000	76,560,000	
40,000	34,600,000	

100	Hoàng Thị Lan	Thạch Môn
101	Nguyễn Văn Hoa	Thạch Môn
102	Nguyễn Đình Đông	Thạch Môn
103	Nguyễn Tuấn Kháng	Thạch Môn
104	Nguyễn Tiến Quyết	Thạch Môn
105	Nguyễn Văn Sơn	Thạch Môn
106	Lưu Văn Minh	Thạch Môn
107	Bùi Văn Duy	Đồng Hương
108	Tào Văn Đình	Đồng Hương
109	Bùi Văn Loan	Đồng Hương
110	Trịnh Thị Huệ	Đồng Hương
111	Bùi Văn Thúc	Đồng Hương
112	Bùi Văn Vượng	Đồng Hương
113	Bùi Văn Tôn	Tân Sơn
114	Lê Văn Thảo	Tân Sơn
115	Hoàng Văn Đông	Tân Sơn
116	Hoàng Văn Đông	Tân Sơn
117	Hoàng Văn Tuấn	Tân Sơn
118	Lê Văn Thảo	Tân Sơn
119	Hoàng Văn Đệ	Tân Sơn
120	Bùi Văn Hiếu	Bình Sậy
121	Quách Văn Thù	Bình Sậy
122	Phạm Văn Quy	Bình Sậy
123	Lê Văn Vui	Bình Sậy
124	Bùi Văn Bốn	Bình Sậy
125	Lê Thị Tậ	Bình Sậy
126	Phạm Văn Hùng	Bình Sậy

40,000	12,520,000	
40,000	33,280,000	
40,000	18,280,000	
40,000	11,840,000	
40,000	22,680,000	
40,000	5,080,000	
40,000	11,920,000	
40,000	15,040,000	
40,000	23,000,000	
40,000	8,920,000	
40,000	31,080,000	
40,000	26,840,000	
40,000	15,520,000	
40,000	20,400,000	
40,000	90,680,000	
40,000	66,520,000	
40,000	55,320,000	
40,000	24,640,000	
40,000	138,520,000	
40,000	2,600,000	
40,000	20,400,000	
40,000	6,440,000	
40,000	31,640,000	
40,000	8,800,000	
40,000	47,920,000	
40,000	4,800,000	
40,000	20,200,000	

127	Lê Anh Chúc	Minh Sơn
128	Lê Văn Cảnh	Liên Sơn
129	Bùi Văn Mây	Liên Sơn
130	Tào Văn Thảo	Liên Sơn
131	Lê Xuân Quế	Liên Sơn
132	Nguyễn Văn Kiên	Liên Sơn
133	Nguyễn Văn Liên	Liên Sơn
134	Nguyễn Văn Lý	Liên Sơn
135	Nguyễn Văn Chiến	Liên Sơn
136	Bùi Văn Thức	Liên Sơn
137	Tào Văn Cẩm	Liên Sơn
138	Mai Thị Xuyên	Liên Sơn
139	Bùi Văn Niềm	Liên Sơn
140	Tào Văn Thắm	Liên Sơn
141	Bùi Văn Huyền	Liên Sơn
142	Tào Văn Thảo	Liên Sơn
143	Bùi Văn Thứ	Liên Sơn
144	Tào Văn Xoan	Liên Sơn
145	Tào Văn Thường	Liên Sơn
146	Bùi Văn Bích	Liên Sơn
147	Bùi Văn Vinh	Liên Sơn
148	Đình Xuân Len	Liên Sơn
149	Nguyễn Văn Kiên	Liên Sơn
150	Nguyễn Văn Hoàn	Liên Sơn
151	Bùi Văn Sơn	Liên Sơn
152	Bùi Thị Xứng	Liên Sơn
153	Lê Xuân Quế	Liên Sơn

40,000	17,000,000	
40,000	6,400,000	
40,000	19,080,000	
40,000	38,840,000	
40,000	37,040,000	
40,000	12,800,000	
40,000	51,800,000	
40,000	122,960,000	
40,000	14,440,000	
40,000	38,440,000	
40,000	33,560,000	
40,000	11,280,000	
40,000	9,040,000	
40,000	15,480,000	
40,000	5,800,000	
40,000	58,160,000	
40,000	19,520,000	
40,000	104,800,000	
40,000	40,200,000	
40,000	4,800,000	
40,000	21,920,000	
40,000	35,120,000	
40,000	22,000,000	
40,000	143,240,000	
40,000	6,440,000	
40,000	4,960,000	
40,000	20,000,000	

154	Bùi Thị Vân	Liên Sơn
155	Bùi Văn Phương	Liên Sơn
156	Bùi Công Chuyên	Liên Sơn
157	Nguyễn Văn Chiến	Liên Sơn
158	Bùi Thị Thân	Liên Sơn
159	Bùi Thị Mai	Liên Sơn
160	Bùi Văn Bình	Liên Sơn
161	Bùi Văn Tuấn	Liên Sơn
162	Bùi Thị Nhân	Liên Sơn
163	Bùi Văn Nhân	Liên Sơn
164	Nguyễn Văn Bảy	Liên Sơn
165	Tào Văn Thường	Liên Sơn
166	Tào Văn Hùng	Liên Sơn
167	Bùi Thị Khào	Liên Sơn
168	Tào Văn Nhâm	Liên Sơn
169	Mai Thị Xuyên	Liên Sơn
170	Bùi Văn Phương	Liên Sơn
171	Hoàng Văn Giang	Liên Sơn
172	Bùi Thị Hiên	Liên Sơn
173	Lê Văn Thực	Liên Sơn
174	Tào Văn Mười	Liên Sơn
175	Đoàn Thị Dinh	Đại Dương
176	Lê Ngọc Hạnh	Đại Dương
177	Phạm Thị Liên	Đại Dương
178	Đỗ Thị Hằng	Đại Dương
179	Bùi Xuân Hải	Đại Dương
180	Trần Văn Bồi	Đại Dương

40,000	73,800,000	
40,000	20,320,000	
40,000	10,000,000	
40,000	17,160,000	
40,000	7,400,000	
40,000	9,680,000	
40,000	14,680,000	
40,000	38,200,000	
40,000	10,672,000	
40,000	8,712,000	
40,000	14,760,000	
40,000	12,400,000	
40,000	26,120,000	
40,000	4,960,000	
40,000	19,560,000	
40,000	11,480,000	
40,000	13,520,000	
40,000	6,280,000	
40,000	14,568,000	
40,000	10,040,000	
40,000	6,860,000	
40,000	10,760,000	
40,000	24,040,000	
40,000	2,160,000	
40,000	9,800,000	
40,000	25,840,000	
40,000	2,040,000	

181	Lê Thế Nghị	Đại Dương
182	Nguyễn Tôn Thái	Đại Dương
183	Lê Ngọc Lý	Đại Dương
184	Lê Nguyễn Dũng	Đại Dương
185	Nguyễn Thị Hào	Đại Dương
186	Hoàng Văn Bạo	Đại Dương
187	Lê Trọng Trường	Đại Dương
188	Cao Ngọc Hữu	Đại Dương
189	Lê Văn Hùng	Đại Dương
190	Lê Thị Tới	Đại Dương
191	Hoàng Thị Thảo	Đại Dương
192	Nguyễn Thị Mai	Duyên Linh
193	Nguyễn Văn Niệm	Duyên Linh
194	Bùi Thị Thời	Duyên Linh
195	Trịnh Văn Nguyên	Duyên Linh
196	Phạm Thị Lý	Duyên Linh
197	Trần Thị Xinh	Duyên Linh
198	Phạm Văn Mạnh	Duyên Linh
199	Nguyễn Thị Sáu	Duyên Linh
200	Phạm Văn Tú	Duyên Linh
201	Lưu Thị Hiên	Phú Ninh
202	Nguyễn Hữu Quỳnh	Phú Ninh
203	Phạm Văn Nam	Phú Ninh
204	Lê Văn Huế	Phú Ninh
205	Nguyễn Thị Thủy	Phú Ninh
206	Bùi Văn Hương	Phú Ninh
207	Nguyễn Quốc Bình	Đông Thịnh

điểm c, khoản 1, Điều 6,  
 Nghị định số 116/2025/  
 NĐ-CP ngày 05/6/2025 của  
 Thủ tướng chính phủ;  
 Khoản 1, Điều 3, Nghị  
 quyết số 46/2025/NQ-  
 HĐND ngày 09/12/2025  
 của Hội đồng nhân dân tỉnh  
 Thanh Hóa Quy định mức  
 hỗ trợ khắc phục dịch bệnh  
 động vật trên địa bàn tỉnh  
 Thanh Hoá theo quy định  
 tại khoản 3 Điều 12 Nghị  
 định số 116/2025/NĐ-CP

40,000	12,040,000	
40,000	7,640,000	
40,000	14,080,000	
40,000	4,200,000	
40,000	24,160,000	
40,000	3,200,000	
40,000	5,680,000	
40,000	14,680,000	
40,000	14,240,000	
40,000	2,840,000	
40,000	14,760,000	
40,000	65,560,000	
40,000	11,120,000	
40,000	95,200,000	
40,000	14,320,000	
40,000	11,240,000	
40,000	9,200,000	
40,000	6,920,000	
40,000	13,000,000	
40,000	16,560,000	
40,000	24,120,000	
40,000	16,600,000	
40,000	9,440,000	
40,000	2,520,000	
40,000	9,600,000	
40,000	6,720,000	
40,000	5,720,000	

208	Nguyễn Việt Bốn	Đồng Thịnh
209	Nguyễn Đình Giang	Đồng Thịnh
210	Trần Ngọc Vinh	Đồng Thịnh
211	Dương Văn Bảo	Đồng Thịnh
212	Vũ Đình Tiến	Đồng Thịnh
213	Nguyễn Hữu Dũng	Đồng Thịnh
214	Dương Văn Hội	Đồng Thịnh
215	Dương Văn Sơn	Đồng Thịnh
216	Phạm Văn Hải	Đồng Thịnh
217	Nguyễn Hữu Tiến	Đồng Thịnh
218	Nguyễn Hữu Dũng	Đồng Thịnh
219	Nguyễn Tất Sơn	Đồng Thịnh
220	Phạm Văn Hải	Đồng Thịnh
221	Nguyễn Quốc Quân	Đồng Thịnh
222	Dương Văn Bảo	Đồng Thịnh
223	Nguyễn Đình Giang	Đồng Thịnh
224	Phạm Văn Điệp	Thôn 1
225	Tạ Văn Thực	Thôn 1
226	Cù Văn Chung	Thôn 1
227	Phan Văn Tường	Thôn 1
228	Bùi Thị Châu	Thôn 1
229	Phạm Văn Phương	Thôn 1
230	Thiều Quang Tú	Thôn 1
231	Tạ Văn Hiệp	Thôn 1
232	Vũ Văn Năm	Thôn 1
233	Hoàng Thanh Nam	Thôn 1
234	Hoàng Thị Tuyết	Thôn 1

ngày 05 tháng 6 năm 2025  
của Chính phủ

40,000	2,760,000	
40,000	2,600,000	
40,000	3,520,000	
40,000	18,040,000	
40,000	6,240,000	
40,000	17,720,000	
40,000	6,520,000	
40,000	17,480,000	
40,000	16,360,000	
40,000	10,720,000	
40,000	6,840,000	
40,000	24,000,000	
40,000	6,600,000	
40,000	3,160,000	
40,000	12,120,000	
40,000	3,280,000	
40,000	103,720,000	
40,000	37,440,000	
40,000	28,520,000	
40,000	13,080,000	
40,000	15,880,000	
40,000	6,360,000	
40,000	2,120,000	
40,000	16,280,000	
40,000	61,280,000	
40,000	123,200,000	
40,000	20,920,000	

235	Bùi Công Thương	Thôn 1
236	Trịnh Thị Suốt	Thôn 1
237	Trịnh Quốc Bảo	Thôn 1
238	Phạm Văn Sỹ	Thôn 1
239	Phạm Văn Thủy	Thôn 1
240	Lê Thị Hiệp	Thôn 1
241	Trinh Hùng Sáng	Thôn 1
242	Phạm Văn Túy	Thôn 1
243	Phạm Văn Thành	Thôn 1
244	Đình Văn Toàn	Thôn 1
245	Nguyễn Thị Xinh	Thôn 1
246	Trịnh Văn Vân	Thôn 1
247	Lê Văn Hòa	Thôn 1
248	Thiều Quang Tú	Thôn 1
249	Vũ Đình Hùng	Thôn 1
250	Lê Tiểu Khuyển	Thôn 1
251	Nguyễn Văn Huân	Thôn 1
252	Thiều Quang Đại	Thôn 1
253	Tào Thị Chính	Thôn 1
254	Phạm Quang Lợi	Thôn 1
255	Lê Văn Nin	Thôn 1
256	Phạm Văn Chương	Thôn 1
257	Phạm Văn Thạch	Thôn 1
258	Chu Đình Thạch	Thôn 1
259	Phạm Văn Tường	Thôn 1
260	Phạm Thị Thao	Thôn 1
261	Cao Văn Hường	Thôn 1

40,000	30,560,000	
40,000	8,920,000	
40,000	16,520,000	
40,000	11,400,000	
40,000	50,760,000	
40,000	18,920,000	
40,000	35,560,000	
40,000	8,040,000	
40,000	7,880,000	
40,000	5,000,000	
40,000	19,304,000	
40,000	7,560,000	
40,000	2,400,000	
40,000	127,720,000	
40,000	103,760,000	
40,000	22,672,000	
40,000	88,840,000	
40,000	34,360,000	
40,000	15,080,000	
40,000	18,360,000	
40,000	11,400,000	
40,000	32,160,000	
40,000	16,160,000	
40,000	16,240,000	
40,000	22,600,000	
40,000	3,080,000	
40,000	16,080,000	

262	Nguyễn Văn Thắng	Thôn 1
263	Đặng Thị Tuyền	Thôn 1
264	Đoàn Quang Đệ	Thôn 2
265	Chu Văn Hải	Thôn 2
266	Nguyễn Văn Càn	Thôn 2
267	Vũ Ngọc Tò	Thôn 2
268	Lê Văn Đạo	Thôn 2
269	Nguyễn Văn Bảy	Thôn 2
270	Phạm Văn Thông	Thôn 2
271	Hoàng Văn Yên	Thôn 2
272	Phạm Văn Sinh	Thôn 2
273	Tào Lương Bằng	Thôn 2
274	Nguyễn Văn Thắng	Thôn 2
275	Chu Văn Hải	Thôn 2
276	Đoàn Quang Đệ	Thôn 2
277	Tào Lương Bằng	Thôn 2
278	Nguyễn Đăng Tuấn	Thôn 2
279	Nguyễn Đăng Tuyền	Thôn 2
280	Nguyễn Văn Bảy	Thôn 2
281	Phạm Văn Nguyên	Thôn 2
282	Tào Văn Bình	Thôn 2
283	Lê Văn Quyển	Thôn 3
284	Nguyễn Văn Sáu	Thôn 3
285	Tạ Văn Lưu	Thôn 3
286	Bùi Văn Tuấn	Thôn 3
287	Phạm Văn Hoàng	Thôn 3
288	Bùi Thị Vang	Thôn 3

40,000	19,560,000	
40,000	25,000,000	
40,000	43,640,000	
40,000	307,960,000	
40,000	58,000,000	
40,000	80,880,000	
40,000	5,560,000	
40,000	15,760,000	
40,000	2,040,000	
40,000	19,920,000	
40,000	78,040,000	
40,000	27,280,000	
40,000	14,920,000	
40,000	135,920,000	
40,000	14,520,000	
40,000	93,904,000	
40,000	14,320,000	
40,000	334,720,000	
40,000	7,320,000	
40,000	7,280,000	
40,000	26,640,000	
40,000	22,440,000	
40,000	52,320,000	
40,000	12,480,000	
40,000	10,720,000	
40,000	23,040,000	
40,000	37,960,000	

289	Tạ Thị Vinh	Thôn 3
290	Vũ Văn Chín	Thôn 3
291	Vũ Văn Nam	Thôn 3
292	Phạm Văn Quý	Thôn 3
293	Lương Thị Yên	Thôn 3
294	Son Mỹ Duyên	Thôn 3
295	Phạm Văn Nguyên	Thôn 3
296	Bùi Tấn Sinh	Thôn 3
297	Bùi Văn Huy	Thôn 3
298	Vũ Văn Bảy	Thôn 3
299	Vũ Văn Bốn	Thôn 3
300	Lê Văn Đông	Thôn 3
301	Phạm Hồng Trường	Thôn 3
302	Hoàng Văn Tiến	Thôn 3
303	Nguyễn Thị Diệp	Thôn 3
304	Bùi Trí Độ	Thôn 3
305	Phạm Văn Hòa	Thôn 3
306	Vũ Văn Chín	Thôn 3
307	Bùi Văn Tuyên	Thôn 3
308	Tạ Văn Hồng	Thôn 3
309	Nguyễn Văn Thanh	Thôn 3
310	Phạm Văn Kiến	Thôn 3
311	Hoàng Văn Tiến	Thôn 3
312	Phạm Văn Đường	Thôn 3
313	Lê Đình Dụng	Thôn 4
314	Nguyễn Văn Kim	Thôn 4
315	Lê Văn Minh	Thôn 4

40,000	1,800,000	
40,000	4,000,000	
40,000	4,720,000	
40,000	10,640,000	
40,000	6,360,000	
40,000	8,680,000	
40,000	2,600,000	
40,000	12,200,000	
40,000	19,800,000	
40,000	24,560,000	
40,000	11,600,000	
40,000	23,880,000	
40,000	13,800,000	
40,000	32,640,000	
40,000	18,640,000	
40,000	13,280,000	
40,000	50,720,000	
40,000	9,720,000	
40,000	8,520,000	
40,000	25,160,000	
40,000	5,640,000	
40,000	15,880,000	
40,000	5,680,000	
40,000	3,040,000	
40,000	317,480,000	
40,000	53,880,000	
40,000	226,160,000	

316	Lê Ngọc Đồng	Thôn 4
317	Trịnh Đình Thắng	Thôn 4
318	Lê Ngọc Đình	Thôn 4
319	Lê Thị Minh	Thôn 4
320	Nguyễn Văn Thế	Thôn 4
321	Lê Đình Hợp	Thôn 4
322	Đoàn Quang Thống	Thôn 4
323	Lương Xuân Minh	Thôn 4
324	Lê Hữu Vương	Thôn 4
325	Lê Hữu Chuông	Thôn 4
326	Nguyễn Hữu Đông	Thôn 4
327	Lê Văn Trường	Thôn 4
328	Lê Thế Nhân	Thôn 4
329	Lê Trọng Linh	Thôn 4
330	Lê Đình Quy	Thôn 4
331	Nguyễn Tôn Đạt	Thôn 4
332	Lê Huy Dục	Thôn 4
333	Nguyễn Văn Thu	Thôn 4
334	Nguyễn Đức Nguyên	Thôn 4
335	Lê Đình Hùng	Thôn 4
336	Lê Đình Tài	Thôn 4
337	Lê Thị Huệ	Thôn 4
338	Nguyễn Văn Giang	Thôn 4
339	Lê Đăng Quyết	Thôn 4
340	Lê Thị Thảo	Thôn 4
341	Lê Văn Tám	Thôn 4
342	Nguyễn Hữu Mạnh	Thôn 4

40,000	241,240,000	
40,000	35,320,000	
40,000	180,960,000	
40,000	25,840,000	
40,000	114,320,000	
40,000	7,680,000	
40,000	1,840,000	
40,000	207,320,000	
40,000	5,480,000	
40,000	3,680,000	
40,000	115,000,000	
40,000	29,920,000	
40,000	52,840,000	
40,000	126,720,000	
40,000	33,960,000	
40,000	78,760,000	
40,000	6,280,000	
40,000	7,160,000	
40,000	6,920,000	
40,000	9,520,000	
40,000	3,040,000	
40,000	1,320,000	
40,000	103,600,000	
40,000	63,440,000	
40,000	55,360,000	
40,000	57,240,000	
40,000	27,120,000	

343	Lê Ngọc Đình	Thôn 4
344	Lê Ngọc Đồng	Thôn 4
345	Nguyễn Văn Khoát	Thôn 4
346	Nguyễn Văn Kim	Thôn 4
347	Trịnh Đình Thắng	Thôn 4
348	Trần Văn Đạt	Thôn 4
349	Thiều Thị Yến	Thôn 4
350	Ngô Thị Thu	Thôn 4
351	Lê Đình Dụng	Thôn 4
352	Lê Thế Nhân	Thôn 4
353	Lê Trọng Linh	Thôn 4
354	Lê Thị Huệ	Thôn 4
355	Nguyễn Văn Khái	Thôn 4
356	Nguyễn Đức Lạng	Thôn 4
357	Lê Trọng Thuận	Thôn 4
358	Lê Đình Hảo	Thôn 4
359	Lê Đức Thương	Thôn 4
360	Trịnh Văn Hợp	Thôn 4
361	Nguyễn Thế Tám	Thôn 4
362	Nguyễn Khang Tùng	Thôn 4
363	Nguyễn Trọng Thảo	Thôn 4
364	Nguyễn Văn Nguyên	Thôn 4
365	Lê Văn Đồng	Thôn 5
366	Lê Trần Đắc	Thôn 5
367	Quách Thị Thanh	Thôn 5
368	Phạm Thị Tuyết	Thôn 5
369	Bùi Văn Xuân	Thôn 5

40,000	123,920,000	
40,000	135,000,000	
40,000	178,240,000	
40,000	33,320,000	
40,000	76,280,000	
40,000	52,680,000	
40,000	9,120,000	
40,000	8,880,000	
40,000	136,120,000	
40,000	10,400,000	
40,000	15,320,000	
40,000	2,760,000	
40,000	12,360,000	
40,000	64,480,000	
40,000	5,000,000	
40,000	27,360,000	
40,000	29,560,000	
40,000	177,040,000	
40,000	5,280,000	
40,000	56,880,000	
40,000	23,800,000	
40,000	35,680,000	
40,000	14,960,000	
40,000	18,200,000	
40,000	2,760,000	
40,000	23,360,000	
40,000	18,600,000	

370	Bùi Văn Thực	Thôn 5
371	Lê Văn Khuân	Thôn 5
372	Nguyễn Thị Xuân	Thôn 6
373	Nguyễn Khắc Điệp	Thôn 6
374	Nguyễn Thị Phương	Thôn 6
375	Phạm Văn Sáng	Thôn 6
376	Nguyễn Viết Lăng	Thôn 6
377	Nguyễn Viết Anh	Thôn 6
378	Nguyễn Viết Lăng	Thôn 6
379	Nguyễn Thị Phương	Thôn 6
380	Trương Quốc Hoàng	Thôn 6
381	Bùi Trí Quyền	Thôn 6
382	Lê Văn Cường	Thôn 6
383	Bùi Trí Tinh	Thôn 6
384	Phạm Văn Sánh	Thôn 6
385	Nguyễn Viết Điều	Thôn 6
386	Trần Thị Trường	Khu 4
387	Trần Đình Du	Khu 4
388	Trần Đình Xuân	Khu 4
389	Bùi Thị Thu	Bằng Lợi
390	Đỗ Văn Chung	Bằng Lợi
391	Phạm Thị Nhàn	Bằng Lợi
392	Nguyễn Văn Hồ	Châu Sơn
393	Bùi Thị Oánh	Châu Sơn
394	Lưu Thị Thu	Châu Sơn
395	Vũ Thị Tươi	Châu Sơn
396	Bùi Văn Thận	Châu Sơn

40,000	11,640,000	
40,000	3,480,000	
40,000	8,120,000	
40,000	13,520,000	
40,000	25,304,000	
40,000	11,000,000	
40,000	16,160,000	
40,000	5,520,000	
40,000	46,640,000	
40,000	115,740,000	
40,000	10,240,000	
40,000	85,840,000	
40,000	44,880,000	
40,000	5,440,000	
40,000	17,320,000	
40,000	8,880,000	
40,000	100,020,000	
40,000	45,320,000	
40,000	8,800,000	
40,000	12,640,000	
40,000	5,720,000	
40,000	18,428,000	
40,000	14,720,000	
40,000	7,880,000	
40,000	43,460,000	
40,000	12,080,000	
40,000	24,480,000	

397	Nguyễn Văn Phú	Châu Sơn	40,000	9,240,000	
398	Nguyễn Văn Tiên	Cẩm Lợi 1	40,000	13,600,000	
399	Bùi Thị Ngọc	Bình Chính	40,000	12,560,000	
400	Quách Văn Thuận	Bình Chính	40,000	78,492,000	
401	Bùi Văn Hợp	Bình Chính	40,000	24,360,000	
402	Nguyễn Đình Tiến	Long Phượng	40,000	17,328,000	
403	Lưu Vĩnh Hào	Long Phượng	40,000	10,840,000	
404	Trịnh Văn Hùng	Phú An	40,000	10,000,000	
<b>Tổng cộng</b>				<b>12,564,140,000</b>	

(Số tiền ghi bằng chữ: Mười hai tỷ, năm trăm sáu mươi tư triệu, một trăm bốn mươi nghìn đồng)